

PHẬT GIÁO VỚI TRIẾT LÝ, TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC CÁC VƯƠNG TRIỀU LÝ - TRẦN

Tóm tắt: *Du nhập vào đời sống người Việt, quá trình đồng hành cùng dân tộc đã tạo nhiều cơ hội cho Phật giáo đóng góp công sức trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Phật giáo Việt Nam thời đại Lý - Trần đã ghi những dấu ấn quan trọng, thể hiện trên các lĩnh vực trong đó có triết lý, tư tưởng đạo đức. Nói đến các vương triều là nói đến các nhà cầm quyền, lãnh đạo, quản lý trong xã hội (các vị vua, hoàng đế và quan lại, tướng lĩnh),.... Đạo đức của họ xét từ phương diện lãnh đạo, quản lý xã hội là đạo đức chính trị, tuy rằng đạo đức chính trị ấy không hoàn toàn tách rời đạo đức nhân sinh. Bài viết đề cập đến tác động của Phật giáo đối với triết lý, tư tưởng đạo đức của các vương triều Lý - Trần trên cơ sở các nhiệm vụ chính trị mà dân tộc, thời đại đặt ra đối với họ và những thành tựu mà họ đã đạt được.*

Từ khóa: *Phật giáo, triết lý, tư tưởng, Lý, Trần.*

1. Mở đầu

Các nhà nghiên cứu về Phật giáo và nhiều nhà tu hành Phật giáo đã khẳng định rằng: Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo thời đại Lý - Trần nói riêng mang tinh thần nhập thế là cơ bản, gắn bó với dân tộc và đời sống xã hội, cộng đồng. Tinh thần nhập thế của Phật giáo thể hiện rõ nhất ở triết lý, tư tưởng về con người và xã hội “quần sinh, lợi lạc”, “vì lợi ích của chư Thiên và loài người”. Ở hành vi của các nhà tu hành và tín đồ Phật giáo là thực hành các triết lý, tư tưởng đạo đức trong thực tiễn đời sống xã hội, cộng đồng. Trong các vương triều Lý - Trần, các nhà cầm quyền phần lớn vừa là tín đồ - đối tượng tiếp nhận, vừa là các nhà tu hành (chủ yếu tại gia) - chủ thể biểu hiện, phát huy tác động của Phật giáo đối với văn hóa đạo đức nói chung và triết lý, tư tưởng đạo đức nói riêng.

* ThS., Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam.

2. Thời đại Lý - Trần và Phật giáo Việt Nam thời đại Lý - Trần

2.1. Thời đại Lý - Trần

Thắng lợi oanh liệt trong cuộc chiến đấu do Ngô Quyền lãnh đạo đã đưa người Việt thoát khỏi ách đô hộ hơn mười thế kỷ của các đế chế Phương Bắc, trở thành dân của một quốc gia độc lập, tự chủ trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Các vương triều Ngô - Đinh - Tiền Lê đã đặt nền móng cho nền văn hóa dân tộc, thực hiện những bước khởi đầu của sự nghiệp khôi phục độc lập, thống nhất quốc gia, xây dựng chính quyền quân chủ. Cuối triều Tiền Lê, chính sự đổ nát, lòng người ly tán, Lý Công Uẩn bằng tài năng và nỗ lực, chu đáo và cẩn trọng, có được sự ủng hộ của triều đình Hoa Lư và dân chúng, tiếp nhận chuyển giao chính quyền. Cơ sở chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội mà các vương triều đi trước đạt được chính là nền tảng, là điều kiện thuận lợi để Lý Công Uẩn bắt tay ngay vào xây dựng một vương triều thống nhất, tập quyền, thân dân và thịnh trị. Năm 1010, Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La thiết lập triều đình tập trung quyền lực vào tay hoàng đế. Vương triều Lý tồn tại đến năm 1225 với 9 vị hoàng đế (Lý Thái Tổ từ 1010 - 1028, Lý Thái Tông từ 1028 - 1054, Lý Thánh Tông từ 1054 - 1072, Lý Nhân Tông từ 1072 - 1127, Lý Thần Tông từ 1128 - 1138, Lý Anh Tông từ 1138 - 1175, Lý Cao Tông từ 1176 - 1210, Lý Huệ Tông từ 1211 - 1224 và Lý Chiêu Hoàng từ 1224 - 1225).

Khi vương triều Lý suy yếu, chính quyền chuyển từ dòng họ Lý sang họ Trần. Trần Thủ Độ trực tiếp điều hành, chỉ đạo công việc trao ngôi vị của Lý Chiêu Hoàng cho Trần Cảnh. Vương triều Trần được thiết lập và tồn tại 175 năm với 12 vị hoàng đế (Trần Thái Tông từ 1225 - 1258, Trần Thánh Tông từ 1259 - 1278, Trần Nhân Tông từ 1279 - 1293, Trần Anh Tông từ 1294 - 1314, Trần Minh Tông từ 1315 - 1329, Trần Hiến Tông từ 1330 - 1341, Trần Dụ Tông từ 1342 - 1369, Trần Nghệ Tông từ 1370 - 1372, Trần Duệ Tông từ 1373 - 1377, Trần Phế Đế từ 1378 - 1388, Trần Thuận Tông từ 1389 - 1398 và Trần Thiếu Tông từ 1399 - 1400).

Các vương triều Lý - Trần cùng nhân dân Đại Việt đã thực hiện nhiệm vụ phục hưng dân tộc, xây dựng quốc gia độc lập, tự chủ và đấu tranh bảo vệ nền độc lập tự chủ với những chiến công hiển hách:

hai lần phá Tống, ba lần chống Mông - Nguyên, và bình Chiêm thắng lợi. Giai cấp phong kiến đại diện cho dân tộc có những quan điểm, đường lối xây dựng đất nước, phát triển văn hóa dân tộc tích cực, vững bước xây dựng, bảo vệ đất nước và cuộc sống của mình. Đó là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Phật giáo và phát huy vai trò của Phật giáo trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

2.2. Phật giáo Việt Nam thời đại Lý - Trần

Phật giáo là một hiện tượng văn hóa nước ngoài truyền vào Việt Nam, được nhân dân ta tiếp thu, vận dụng vào đời sống đã có những đóng góp nhất định trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc. Các nhà nghiên cứu đã chia lịch sử Phật giáo Việt Nam ra thành 5 giai đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất, từ khi du nhập đến thế kỷ VI (544);
- Giai đoạn thứ hai, từ thế kỷ VI đến thế kỷ X;
- Giai đoạn thứ ba, từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIV;
- Giai đoạn thứ tư, từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX;
- Giai đoạn thứ năm, từ thế kỷ XX đến nay.

Quá trình phát triển của Phật giáo thời đại Lý - Trần nằm trong giai đoạn thứ ba của Phật giáo ở Việt Nam. Lịch sử dân tộc Việt Nam chưa bao giờ có sự độc tôn Phật giáo nhưng rõ ràng Phật giáo là hệ ý thức được đề cao hàng đầu trong thời kỳ này.

Thời Lý, lợi ích của Phật giáo hòa hợp hoàn toàn vào lợi ích dân tộc. Phật giáo không thể phát triển bên ngoài dân tộc càng không thể hưng thịnh khi dân tộc không có chủ quyền. Vương triều Lý được xác lập có sự hậu thuẫn tích cực của Phật giáo và Phật giáo cũng được vương triều Lý dành cho những đặc ân lớn. Lý Công Uẩn khi mới lên ngôi đã cho xây dựng chùa. Các vị vua tiếp theo cũng vậy, vì thế sự bảo trợ của vương triều Lý đối với Phật giáo “không ngừng được thể hiện qua việc thực hiện các công trình đạo đức” (Lê Thành Khôi, 2016, tr. 177). Dân được gia ân, miễn thuế trong những cuộc lễ lớn được tổ chức vào mỗi dịp hoàn tất xây dựng hay trùng tu một ngôi chùa.

Điều đáng chú ý là thời Lý, số lượng sư tăng rất đông. Phật giáo thời Lý có tiềm lực kinh tế khá mạnh. Các chùa đều có nhiều ruộng

đất. Hội lễ Phật giáo diễn ra thường xuyên. Nhiều hội lớn do nhà vua đích thân tổ chức. Từ sự ủng hộ nhiệt thành của vua chúa, quý tộc quan liêu, Phật giáo thời Lý có vị trí lớn trong xã hội, đến với mọi miền đất nước và đông đảo mọi tầng lớp nhân dân. Vương triều Lý đã kế thừa tổ chức Tăng quan thời Đinh - Tiền Lê. Đây là tổ chức có tính chất tôn giáo liên quan chặt chẽ với hệ thống nhà nước. Tăng quan triều Lý là những người giúp cho nhà nước quản lý các tín đồ Phật tử về mặt hành chính, đồng thời trên thực tế cũng là người bảo vệ quyền lợi của Phật giáo. Một số tăng sĩ đắc đạo và có học vấn uyên bác thời này được các vua Lý hết sức trọng dụng. Có sư là thầy dạy của vua và được phong làm Quốc sư. Nhiều nhà sư được ban hiệu Quốc sư, như: Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Thông Biện, Viên Thông, Không Lộ. Vai trò chủ yếu của các quốc sư thời Lý là những cố vấn đắc lực giúp vua hiểu biết về giáo lý Phật giáo, ngoài ra khi cần các quốc sư còn cố vấn cho vua những vấn đề về chính trị, ngoại giao, quân sự, văn hóa,.... Giáo lý Phật giáo được phổ biến rộng rãi và có ảnh hưởng chung trong toàn xã hội. Chùa không chỉ đơn thuần là nơi thờ tự, tổ chức lễ hội mà còn là nơi học tập, trau dồi đạo đức, văn hóa của người dân Đại Việt. Thiền phái Thảo Đường được thành lập bên cạnh hai thiền phái là Tì Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông vẫn được duy trì, phát triển.

Sang thời Trần, Lê Quát nhận xét “phần nửa thiên hạ đi tu” bởi thời kỳ đầu, dân và vua đều tu đạo. Chính sách thể hiện tư tưởng nhân đạo thời Trần giống như thời Lý, cũng có nguồn gốc sâu xa từ Phật giáo. Tổ chức lại đất nước, vương triều Trần tìm cách ưu ái Phật giáo. Yếu tố đưa đến thành công và những đặc sắc của Phật giáo thời Trần là không tách rời với sự nghiệp gìn giữ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phật giáo lúc này đã có sự thích nghi với phong tục, tôn giáo và con người Việt Nam, hoàn toàn phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của một dân tộc yêu hòa bình, độc lập. Với tinh thần nhập thế cao cả, các vị vua, các thiền sư thời Trần đã sử dụng đúng tiềm năng của Phật giáo, khiến Phật giáo có được sức mạnh yểm trợ cho công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước của triều đình. Nhằm cố kết nhân tâm, thống nhất tư tưởng trị nước mà hệ tư tưởng chủ yếu được chất lọc từ Phật giáo, dưới ảnh hưởng lớn lao của Trần Nhân Tông và Tuệ Trung Thượng Sĩ, thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường

được hợp nhất. Phật giáo thời Trần, vì vậy, được gọi là thời đại Phật giáo nhất tông. Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử ra đời, mang đậm dấu ấn của văn hóa Đại Việt và nhập thể tích cực.

Các vua Lý, Trần bên cạnh việc coi trọng Khổng giáo, Đạo giáo và các tôn giáo dân gian đã hết sức ủng hộ Phật giáo, dựa vào Phật giáo để xây dựng chế độ thống trị. Chính từ các tư tưởng này, các vương triều Lý - Trần đã thu hút được đông đảo tín đồ và nhân dân để từ đó củng cố, bảo vệ, xây dựng đất nước đồng thời tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển.

3. Hệ thống triết lý, tư tưởng đạo đức

Triết lý, tư tưởng đạo đức là hệ thống các quan điểm, quan niệm có tính triết học, tôn giáo, chính trị - xã hội về đạo đức. Hệ thống này lý giải các vấn đề: đạo đức là gì, đạo đức sinh ra từ đâu và đạo đức sinh ra để làm gì? Theo quan điểm thế giới quan, nhân sinh quan của các trường phái triết học (duy tâm hay duy vật), các tôn giáo (Phật giáo hay Công giáo, Tin Lành,...) hoặc các giai cấp - nhà nước - dân tộc khác nhau. Thực chất, các triết lý, tư tưởng đạo đức tham gia vào giải quyết vấn đề cơ bản của nhân loại: Nhân sinh hà tại (Người ta sinh ra từ đâu?), Tại thế hà như (Người ta sống trên đời như thế nào?) và Hậu thế hà như (Sau khi chết sẽ ra sao?). Đây là vấn đề nhân sinh to lớn mang tính triết học và tôn giáo, chi phối đời sống nhân loại nói chung và mỗi con người nói riêng. Chúng là yếu tố cốt lõi của văn hóa đạo đức, là “hệ thống lý thuyết lớn chứa đựng trong đó các lý thuyết nhỏ hơn” đó là “hệ hình” xác định một hệ thống lý thuyết đạo đức khác nhau như nhà triết học Thomas Samuel Kuhn lý giải. Chẳng hạn: triết lý đạo đức của Khổng giáo cho rằng đạo đức là đạo lý của Trời, con người phải tuân theo; Triết lý đạo đức của Phật giáo cho rằng đạo đức là cái tâm Phật có trong mỗi con người cần được giác ngộ để phát tâm; Triết học Mác-xít cho rằng đạo đức sinh ra từ các quan hệ kinh tế - xã hội của con người mà cụ thể là từ các quan hệ lợi ích. “Lợi ích được hiểu một cách đúng đắn là cơ sở của toàn bộ đạo đức” (K. Marx).

Tư tưởng đạo đức là các học thuyết nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn của đời sống đạo đức, văn hóa đạo đức: Làm thế nào để con người sống có đạo đức? Làm thế nào và bằng cách nào để các triết lý hay tín lý đạo đức được thực hành trong đời sống xã hội, v.v.. Các tư

tưởng đạo đức nằm trong các trước tác của các nhà triết học, các nhà tư tưởng, các nhà tu hành và các danh nhân đạo đức, như: Khổng Tử, Lão Tử, Mặc Tử (Phương Đông); Aristotle, Epiquya, Calvin, Martin Luther (Phương Tây);... Ở Việt Nam, trong thời đại Lý - Trần có những nhà trước tác về tư tưởng đạo đức như Trần Thái Tông với *Khóa Hư Lục* hay Trần Nhân Tông với *Cư Trần Lạc Đạo*, Tuệ Trung Thượng Sĩ với *Phật Tâm Ca* và nhiều bài kệ mang tính giáo lý (tuy nhiên trước tác của các vị không chỉ nói về tư tưởng đạo đức).

4. Dấu ấn Phật giáo trong triết lý đạo đức ở các vương triều Lý - Trần

Phật giáo vào Đại Việt đến thời Lý - Trần đã trải qua hơn một ngàn năm gắn bó với con người và xã hội Đại Việt, cùng nhân dân Đại Việt chống lại ách đô hộ của các đế chế Phương Bắc, giành lại nền độc lập tự chủ cho người Việt. Tinh thần đạo đức từ bi hỉ xả của Phật giáo đã an ủi, động viên người dân một nước trong thời kỳ Bắc thuộc bền bỉ đấu tranh chống lại âm mưu đồng hóa của người Hán, bảo vệ quyền tồn tại của người Việt với tư cách là một cộng đồng, dân tộc có nền văn hóa của mình.

Khi bước vào giai đoạn độc lập tự chủ, xây dựng đất nước, xây dựng chế độ phong kiến nội tộc thì tinh thần của triết lý đạo đức Phật giáo hòa nhập với tinh thần, ý chí của con người Đại Việt thực hiện nguyện vọng phục hưng đất nước, phát triển con người mang tầm vóc mới của dân tộc và thời đại. Tinh thần “quần sinh lạc lợi” của Phật giáo lúc này hòa quyện với khát vọng cao đẹp của những nhà cầm quyền đang đại diện cho dân tộc muốn làm cho “vận nước dài lâu, phong tục phồn thịnh”, “nhân dân không phải khổ sở” (như *Chiếu Dời Đô* của Thái Tổ Công Uẩn nhà Lý đã tuyên cáo).

Tại sao lại cho rằng, đó là biểu hiện sự hòa quyện giữa triết lý đạo đức Phật giáo với triết lý đạo đức của các vương triều Lý - Trần? Chỉ cần suy ngẫm về sự xuất hiện của hai vị quân vương Lý Thái Tổ, người mở đầu vương triều Lý và Trần Thái Tông, người mở đầu vương triều Trần đều có sự tác động của Phật giáo. Trong đó, đặc biệt là Lý Thái Tổ mở đầu cho không chỉ đối với các vương triều nhà Lý mà cho cả thời đại Lý - Trần. Người đã được nhà sư Vạn Hạnh, Khánh Văn nuôi dạy, phát hiện, bồi dưỡng từ tấm bé. Người đã thấm nhuần

những triết lý đạo đức Phật giáo. Người đã được giới cao tăng chuẩn bị cho dân tộc (gánh vác nhiệm vụ của đất nước) và thể hiện tinh thần hành thiện (thực hành triết lý đạo đức) của Phật giáo thời đó.

Sự kiện sư Vạn Hạnh khuyên Lý Công Uẩn lên ngôi trước yêu cầu của dân tộc đặt ra (lợi ích của dân tộc và đất nước), trước ý thức quân thần, đạo lý Khổng giáo khiến ông chần chừ không muốn thay thế nhà Tiền Lê. Lời thuyết phục của Vạn Hạnh đã thay đổi được quan niệm của Lý Công Uẩn, bởi sự gắn kết giữa đạo lý dân tộc với đạo lý Phật giáo đã có sẵn trong phẩm hạnh của một Phật tử được gây dựng từ trước. Qua nhận định của nhà sư Vạn Hạnh về Lý Công Uẩn và lý do mà ông giải thích cho Lý Công Uẩn, người ta thấy rõ điều đó: “Mới rồi tôi thấy chữ bùa sấm kỳ lạ, biết họ Lý cường thịnh, tất dấy lên cơ nghiệp. Nay xem trong thiên hạ người họ Lý rất nhiều nhưng không ai bằng Thân vệ (chức vụ của Lý Công Uẩn trong triều đình Tiền Lê - chú thích của tác giả) là người *khoan thứ nhân từ được lòng dân*, lại đang nắm binh giữ quyền trong tay, *đứng đầu muôn dân* chẳng phải Thân vệ thì còn ai *đương nổi nữa*” (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, 2011, tr. 240). Điều này, chứng tỏ việc chuẩn bị và thuyết phục Lý Công Uẩn lên ngôi vua không phải là một âm mưu chính trị mà là một đòi hỏi của đời sống thực tiễn xã hội, do cái logic đạo đức chính trị quy định. Lịch sử đã ghi lại những lời tỏ bày của quần thần trước Lý Thái Tổ đã chứng minh nhận định trên: “Bề tôi đều nói: Bệ hạ vì *thiên hạ lập kế dài lâu*, trên cho *ng nghiệp để được thịnh vượng lớn lao*, dưới cho *dân chúng được đông đúc giàu có*, điều lợi như thế, ai dám không theo” (*Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, 2011, tr. 244). Điều đó đủ thấy rõ Vạn Hạnh đã hướng Lý Công Uẩn tới một vương triều dùng đức để ổn định và phát triển xã hội và chứng nghiệm “đức hóa” của Phật như thế nào.

Khởi đầu bằng triều vua Lý Thái Tổ, vương triều nhà Lý được thành lập, các vua nhà Lý cai trị đất nước trên cơ sở hệ tư tưởng quân chủ chịu nhiều ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo thời đó. Điều này hoàn toàn hợp lý bởi mối quan hệ đặc biệt của những người nắm quyền điều hành đất nước đối với Phật giáo. Các vua thời Lý đều rất sùng đạo. Trên bình diện xã hội, vương triều Lý đã thành công khi sử dụng những ưu điểm của Phật giáo để dung hòa những mâu thuẫn đối kháng, duy trì ổn định xã hội.

Năm 1069, nhằm tạo lập dòng thiền Thảo Đường thuần Việt với tinh thần cởi mở là các thể hệ truyền thừa chính thức không chỉ hạn chế trong giới xuất gia, mà luôn mở rộng đến các cư sĩ tại gia, Lý Thánh Tông đã nâng đỡ và vinh phong Thảo Đường - một nhà sư bị bắt làm tù binh trong cuộc chinh phạt Chiêm Thành. Trở thành vị Tổ thứ nhất của Thiền phái Thảo Đường, trên hệ tư tưởng của Phật giáo, Lý Thánh Tông đã góp công sức lớn trong việc mở đầu tạo ra được bản sắc đặc trưng của Phật giáo Việt Nam: hòa đồng, nhập thế và nêu cao tinh thần nhân văn, nhân đạo cao cả mà Phật giáo thời Trần tiếp tục phát triển lên một trình độ mới.

Đến triều Trần, các vị vua như Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông từng bỏ ngôi vua vào chùa làm hòa thượng, nghiên cứu Phật học, mở riêng tông phái, viết nên những tác phẩm bất hủ, xây dựng Yên Tử thành học đường, đào tạo nhiều thiền sinh xuất sắc. Vua Trần Thái Tông, người mở đầu cho triều đại nhà Trần khi ông muốn từ bỏ ngôi vua (vì sức ép của đạo lý Khổng giáo), lên núi Yên Tử đi tu (Phật giáo) ông đã được chính Đại sư Trúc Lâm khuyên nhủ bằng triết lý đạo đức của nhà Phật về vai trò, trách nhiệm chính trị của đấng quân vương: “Phàm đã là bậc *nhân quân* tất phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình. Nay muôn dân đã muốn bệ hạ về (làm vua lại) thì bệ hạ không về sao được” (Thơ văn Lý Trần, Tập 2, 1978, tr. 29). Nhà sư muốn nói đến đạo lý (triết lý) làm vua của Phật giáo (tất nhiên của cả Khổng giáo nữa) là vì “muôn dân” và “thiên hạ”, đó là triết lý “quần sinh lạc lợi” nên phải lấy “ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình”, “lấy tấm lòng thiên hạ làm tấm lòng của mình”. Đây chính là phẩm chất hàng đầu của một “nhân quân” mà đạo đức Phật giáo quan niệm.

Cùng với Tuệ Trung Thượng Sĩ và Trần Nhân Tông, Trần Thái Tông đã góp phần đưa triết lý Phật giáo trở thành cơ sở triết học - tôn giáo trong tư tưởng Tam giáo và đời sống tinh thần xã hội Đại Việt lúc bấy giờ. Tư tưởng của Trần Thái Tông vì vậy được xem là tập đại thành đầu tiên của Phật giáo Việt Nam và là nền móng cho Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. *Khóa Hư Lục* chỉ còn lại một phần nhỏ các tác phẩm của ông. Đây là một bộ sách quý trong kho tàng thư tịch cổ Việt Nam, trước cả *Việt Sử Lược*, *An Nam Chí Lược* và *Lĩnh Nam Chích*

Quái, có giá trị triết học và văn học đứng hàng đầu các tài liệu dùng trong công tác nghiên cứu lịch sử tư tưởng và lịch sử văn học Việt Nam. *Khóa Hư Lục* có nguyên nghĩa là “Ghi chép sự tu luyện đạo hư không”. Vấn đề mấu chốt là ở hai chữ “khóa hư”: “khóa” là rèn luyện, tu luyện; “hư” là không. Từ *Khóa Hư Lục*, chúng ta biết được ít nhiều triết lý Phật giáo của Trần Thái Tông khi rộng khuyên mọi người mở lòng Bồ đề: “Cái quý nhất ở đời người là vàng ngọc. Nhưng xét cho kỹ thì cái đáng trọng, đáng tiếc không gì bằng thân mệnh con người” (Trần Lê Sáng (chủ biên) (1997), tr. 63). Trần Thái Tông là một nhà sư phạm khi biết tìm cách dẫn dắt mọi người tin Phật, là một nhà lý luận khi có những trình bày sâu sắc về thiền học:

Non xanh nơi thấp trông trời rộng

Sen đỏ mùa hoa nghe nước thơm

(Trần Lê Sáng (chủ biên, 1997), tr. 68).

Tuệ Trung Thượng Sĩ, một thiền sư, một nhà Thiền học nổi tiếng đã đưa ra khái niệm *bản thể* chính là *cái vô*, *cái không*, không thể biểu thị bằng khái niệm thị hay phi, hư hay thực, sắc hay không:

Sắc vốn chẳng phải không,

Không vốn không phải sắc

(*Thơ văn Lý Trần*, tập 2, 1978, tr. 287).

Theo ông, *bản thể* hay *tâm*, *Phật tính*, *pháp thân*, *bản lai*, *chân diện mục* là bản chất của sự vật, tự tồn tại. Cái vọng tâm và vọng niệm là nguồn gốc sản sinh ra thế giới muôn màu. Vì vậy, không nên bám víu vào câu hỏi về lẽ sinh tử, xem nó như cứu cánh của cuộc đời bởi xác thân con người là do sự hợp tan của Ngũ uẩn, do nhân duyên kết hợp mà thành, đều từ vô tướng, từ không mà ra. Vượt lên mọi giáo điều, khuôn phép, giới luật thông thường, triết lý nhân sinh của Tuệ Trung Thượng Sĩ đã thể hiện một tinh thần phá chấp triệt để và độc đáo. Gắn liền đạo với đời là triết lý sống của Tuệ Trung Thượng Sĩ, đối với ông, cuộc đời chính là nơi tốt nhất để tu đạo, hành thiền, đạt đến giác ngộ, giải thoát.

Sau cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên, Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử được Trần Nhân Tông sáng lập. Tiếp thu và kế tục tư tưởng của

Tuệ Trung Thượng Sĩ, Trần Nhân Tông khuyên mọi người tìm về bản thân mình, không truy cầu sắc không ở bên ngoài thiên giới. “Bản quan tự kỷ bản phận sự. Bất tông tha đắc” - hãy quay lại cái gốc của mình chứ không tìm đâu khác được. Lấy điểm xuất phát từ chữ “tâm”, tập trung phác họa những nẻo tu chứng, đạt đến đốn ngộ, ngộ đạo, vô vi, nhập vận, theo Trần Nhân Tông, mỗi người hãy nhận chân con người thật của mình, bộ mặt thật của chính mình (Bổn Lai Diện Mục) không ở đâu xa:

Bụt ở cùng nhà,
 Chẳng phải tìm xa.
 Nhân khuây bản nên ta tìm Bụt,
 Đến cốc hay chín Bụt là ta
 (Thơ văn Lý Trần, tập 2, 1978, tr. 374).

Lòng trong sạch theo Trần Nhân Tông là cái ban đầu vốn có trong mỗi con người. Trong cuộc sống, cái “bản”, cái “gốc” ấy có khi bị làm lu mờ hoặc đánh mất bởi tham, sân, si, bởi vô minh rồi đi tìm Bụt ở mọi nơi không biết rằng Bụt ở ngay trong nhà, đâu cần tìm nơi xa.

Trần Nhân Tông đã thực tế hơn trong bản tính lặng yên trong trẻo so với Trần Thái Tông, bản tính sâu trầm trong tĩnh lặng (bản tính huyền ngưng, chân tâm chạm tịch) và Tuệ Trung Thượng Sĩ thể tính vắng vặc chưa từng có mê lầm (Thể tính minh minh vị hữu mê). Cõi Phật trong quan niệm của Trần Nhân Tông chính là cõi lòng:

Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi Tây phương;
 Di Đà là tính sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực lạc
 (Thơ văn Lý Trần, tập 2, 1978, tr. 505).

Thể giới Tịnh độ chính là tự tâm thanh tịnh của mỗi người, không cần phải hỏi rằng có hay không có cõi Tịnh Độ ở Tây phương; Phật A Di Đà chính là tự tính sáng soi của chính lòng mình, không cần phải nhọc công tìm về nơi Cực lạc ở đâu đó nữa.

5. Dấu ấn Phật giáo trong tư tưởng đạo đức ở các vương triều Lý - Trần

Tư tưởng đạo đức của các vương triều Lý - Trần là tư tưởng chính trị - xã hội về xây dựng đất nước, con người và bộ máy cầm quyền

như thế nào? Tất nhiên sau hơn nghìn năm tiếp thu tư tưởng Khổng giáo Trung Hoa, tư tưởng đạo đức chính trị của các vương triều Lý - Trần không khỏi bị chi phối bởi các quan điểm của nó. Tuy vậy, tư tưởng Phật giáo thâm nhập vào nước ta trước tư tưởng của Khổng giáo, hơn nữa tư tưởng Khổng giáo lại là tư tưởng của kẻ đô hộ nên đến khi nước ta giành lại quyền độc lập, tự chủ nó vẫn là hệ tư tưởng xa lạ. Tư tưởng Phật giáo trong đó có tư tưởng đạo đức là một điểm tựa để xây dựng nền văn hóa, đạo đức của dân tộc ít nhiều khác biệt với văn hóa đạo đức Khổng giáo Trung Hoa.

Ngay từ thời kỳ đầu của nhà nước độc lập, tự chủ, nhà sư Đỗ Pháp Thuận đã cố vấn cho vương triều Tiền Lê phép trị nước với bài thơ *Quốc Tộ*:

Quốc tộ như đằng lạc,
Nam thiên lý thái bình,
Vô vi cư điện các,
Xứ xứ tức đao binh.

Dịch nghĩa:

Ngôi nước như dây leo quấn quít,
Ở góc trời Nam [mở ra] cảnh thái bình,
[Dùng đường lối] vô vi ở trong cung điện,
Thì khắp mọi nơi đều tắt hết đao binh
(Trần Lê Sáng (chủ biên) (1997), tr. 204).

Đất nước muốn độc lập, vững mạnh, giữ được “ngôi” phải có hòa bình, không còn xung đột. Nền chính trị “thái bình” phải trong sạch, “vô vi” (không theo nghĩa Đạo giáo). Đây chính là tư tưởng đạo đức chính trị mang tầm nhân văn cao của Phật giáo và cũng là tư tưởng của những nhà cầm quyền sùng Phật ở thời đại Lý - Trần sau này.

Tư tưởng đạo đức chính trị trên cũng được thể hiện rõ trong bài *Sấm* của Vạn Hạnh khi chuẩn bị cho Lý Công Uẩn lên ngôi:

Tật Lê chìm biển Bắc
Cây Lý che trời Nam

Bốn phương binh đao dứt

Tám hướng thủy bình an

(Trần Lê Sáng (chủ biên) (1997), tr. 58).

Tám hướng được bình an, đất nước hòa bình, an lạc là điều mà những nhà tu hành Phật giáo kỳ vọng vào các vương triều Lý - Trần sau giai đoạn lạc loạn, đao binh.

Những nội dung tư tưởng của Phật giáo đã cung cấp những chỉ dẫn quan trọng cho những người lãnh đạo trong việc quản lý đất nước, vận dụng một cách sáng tạo những giáo lý Phật giáo vào đời sống thực tiễn, hoàn cảnh cụ thể của Đại Việt. Các vị thiền sư có thể tiêu dao ngoài thế sự lúc bình thường, an lạc với thiện tâm không có nghĩa sẽ không động tâm trước nhu cầu của dân, trước yêu cầu của đất nước. Khi dân chịu cảnh lầm than bởi những ông vua bạo tàn như Lê Long Đĩnh, đất nước chịu cảnh thù trong giặc ngoài, các vị thiền sư như Đỗ Pháp Thuận, Ngô Chân Lưu, Vạn Hạnh không thể “an nhiên” mà đã mở lòng từ bi ra tay giúp triều đình, đưa người hiền tài lên nắm quyền trị vì đất nước. Nhiều vị cao tăng cũng như các vị vua ở cương vị của mình luôn suy nghĩ phù hợp với sự nghiệp dân tộc, họ đã là những con người ngộ đạo nhưng không thoát ly cuộc sống hiện thực.

Muốn có một nhà nước vững mạnh trước hết cần những “vua sáng”, “tôi hiền”, lấy dân, lấy nước làm lẽ sống của mình. Đạo đức là gốc của nước cũng là gốc của người cầm quyền. “Khoan từ”, “nhân thứ”, “được lòng dân chúng” như lời khuyên của Vạn Hạnh với Lý Công Uẩn là những điều kiện cơ bản cho việc cầm quyền. “Phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, phải lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình” như lời khuyên của Đại sư Vân Phong với vua Trần Thái Tông đã phân tích ở trên là tư tưởng đạo đức trị nước.

Tâm hồn trong sáng, bình dị, không tham lam quyền lực và vật chất là nếp sống đạo đức thanh cao được ví như “châu báu” của kẻ cầm quyền. Thời kỳ Lý - Trần, Phật giáo được đề cao cũng là thời kỳ oanh liệt của lịch sử dân tộc. Thiện lớn, đức lớn, đúng lúc, tùy nghi lúc này là phải cứu dân tộc, đất nước khỏi họa ngoại xâm. Vì cái thiện, cái đức đó mà các Phật tử sẵn sàng vi phạm giới luật (cấm sát sinh) cầm

gươm, lên ngựa, ra trận giết một người để cứu muôn người. Phật giáo ở Việt Nam nhập thế là như vậy, phá giới theo tinh thần phá chấp, thương người và cứu người là trên hết, không thể giáo điều máy móc nhìn kẻ thù xâm lược tàn sát đồng bào, không thể vì điều thiện nhỏ cá nhân mà quên điều thiện lớn của dân tộc. Cho dù có “xây chín cấp phù đồ” cũng không bằng “làm phúc cứu cho một người”, cứu nước, cứu dân là cấp bách, là đáng quý hơn cả nên phải vi phạm giới luật cũng không suy tính. Ba lần kháng chiến chống ngoại xâm thắng lợi oanh liệt thời Trần tác động sâu sắc tới các tướng sĩ. Phạm Ngũ Lão tràn đầy tinh thần thời đại trong hình tượng người anh hùng cầm ngang ngọn giáo trấn giữ non sông:

Múa giáo non sông trải mấy thu,
Ba quân hùng khí át sao ngưu,
Công danh nam tử còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu
(*Thơ văn Lý Trần*, tập 2, tr. 563).

Năm 1076, khi Lý Thường Kiệt trực tiếp chỉ huy chiến đấu bên chiến lũy tại bờ nam sông Như Nguyệt, tổ chức vượt sông, đánh trận quyết chiến thẳng vào trại giặc, khiến Quách Quỳ phải lui quân, lấy lại châu Quảng Nguyên. Bài thơ thần vang lên trong đền Trương tướng quân được kể lại:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!
Dịch thơ:

Sông núi nước Nam, Nam đế ở
Rõ ràng định phận tại sách trời
Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm?
Cứ thử làm xem, chuốc bại nhơ!
(Trần Lê Sáng (chủ biên) (1997), tr. 288).

Lúc ấy, như một bản tuyên ngôn độc lập đã khích lệ tinh thần yêu nước của quân dân Đại Việt, kết thành sức mạnh tiêu diệt quân thù.

Chính từ việc khai mở cái tâm đi dần đến giác ngộ bằng con đường tham gia tích cực vào việc cứu đời (kể cả sát sinh) mà Phật giáo Việt Nam đã có những đóng góp to lớn trong công cuộc chống ngoại xâm giữ gìn độc lập chủ quyền cho đất nước. Lịch sử chống xâm lược của dân tộc Việt Nam đến nay đã chứng minh điều đó. Phương châm của nhà Phật “Lợi lạc quần sinh vô ngã vị tha” đã được nâng lên bởi Phật giáo ở Việt Nam “Lợi lạc quần sinh vô tâm vị tâm” là vì vậy.

Các vương triều Lý - Trần trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng vương triều (đặc biệt là các triều đại mở đầu) chủ yếu là dựa trên sự tích hợp giữa tinh thần dân tộc với tư tưởng Khổng - Phật - Lão, trong đó tư tưởng Phật giáo có vai trò quan trọng. Tác giả cơ bản tán thành với nhận xét của Hòa thượng Thích Trí Quảng cho rằng:

Phật giáo Lý - Trần nhập cuộc và biến dạng giáo lý một cách kỳ diệu. Chúng ta có thể xem Phật giáo Lý - Trần là tiêu biểu cho sự thể hiện con đường hiểu và sống đúng như thật của Phật giáo Việt Nam. Các thiền sư cũng như cư sĩ Phật tử thời ấy đã tiếp thu những lời dạy quý báu của Đức Phật. Các ngài đã khéo vận dụng tuệ giác trong việc phân tích và áp dụng vào hiện trạng xã hội. Vì thế Phật giáo Lý - Trần mới đưa ra tư tưởng chỉ đạo phù hợp, giúp cho sự sống còn và sự hưng thịnh của đất nước (Thích Trí Quảng (2004), tr. 114).

Đúng là các tư tưởng đạo đức Phật giáo ghi dấu ấn trong tư tưởng đạo đức của các vương triều Lý - Trần không chỉ là các trích dẫn kinh điển Phật giáo hay các diễn ngôn đạo đức mang tinh thần Phật giáo của các nhà cầm quyền mà nó biểu hiện trong toàn bộ “công nghiệp” to lớn của hai vương triều về phương diện nội trị và ngoại giao, khẳng định nền độc lập, tự chủ và tự cường của dân tộc sau ba vương triều khởi đầu ngắn ngủi Ngô - Đinh - Tiền Lê. Song sự sống còn và hưng thịnh của đất nước không hoàn toàn do Phật giáo Lý - Trần “đưa ra tư tưởng chỉ đạo phù hợp” như Hòa thượng Thích Trí Quảng đã quá nhấn mạnh. Nguyên nhân chính là sức mạnh tổng hợp của văn hóa, tinh thần, đạo đức dân tộc được xây đắp mấy ngàn năm.

6. Kết luận

Khoảng thời gian của các vương triều Lý - Trần, nước Đại Việt trở thành một cộng đồng người ổn định, bền chặt trong hoàn cảnh quốc gia thống nhất, có điều kiện phát triển văn hóa dân tộc. Đây là thời kỳ phục hưng của nền văn hóa Việt cổ thời Văn Lang - Âu Lạc bản địa trên nền tảng của sự khôi phục độc lập dân tộc và sự giữ vững chủ quyền quốc gia qua những cuộc kháng chiến của Đại Việt chống Tống, Nguyên thắng lợi.

Tiếp thu những tư tưởng thiền nảy sinh trên đất Việt, Phật giáo ở Việt Nam được nuôi dưỡng, khái quát bởi các thiền sư Việt Nam, chủ trương nhập thế, xây dựng và phát triển đất nước bằng từ bi, trí tuệ và đạo đức Phật giáo, kết hợp nhân sinh quan Khổng giáo và vũ trụ quan Đạo giáo. Ở những mức độ khác nhau, Phật giáo đã thực thi một tinh thần khoan dung, độ lượng trong tinh thần nhập thế, góp phần định hướng triết lý, tư tưởng đạo đức các vương triều Lý - Trần và ghi lại những dấu ấn trong lịch sử văn hóa dân tộc. Trên cơ sở đó, tạo vị trí trung tâm cho Phật giáo trong hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội Việt Nam giai đoạn thế kỷ XI - XIV, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa, chính trị, dân tộc trong giai đoạn lịch sử này. /.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thành Khôi (2016), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập 1, Bản in Nội các quan bản, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011.
3. Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghi, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang (2008), *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
4. Thích Trí Quảng (2004), *Tư tưởng Phật giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Trương Hữu Quýnh (chủ biên) (2005), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Trần Lê Sáng (chủ biên) (1997), *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Thích Thanh Từ (2010), *Thiền sư Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Văn học (1978), *Thơ văn Lý Trần*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract**BUDDHISM TOWARDS PHILOSOPHY, ETHICAL
IDEOLOGY OF LÝ - TRẦN DYNASTIES**

Through the process of penetrating into Vietnamese life and accompanying with the nation, Buddhism had many opportunities of contributing to the cause of building and defending the country. Vietnam Buddhism in the Lý-Trần era left the important imprints which were expressed in the field of philosophy, ethical ideology. Mentioning the monarchy, it has to indicate the rulers, leaders, social managers (kings, emperors and mandarins, generals). Their ethics are examined through the dimension of leadership, social management (political ethics), although political morality is not completely detached from human morality. The article mentions the impact of Buddhism on philosophy, moral ideology of the Lý-Trần dynasties on the basis of the political tasks and achievements.

Keywords: Buddhism, philosophy, ideology, Lý, Trần.